

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2024

“V/v tranh chấp HNGĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan và ông Kiều Xuân M;

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Công – Thư ký viên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quang Ngọc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 341/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/QĐ-HPT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993, Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Hà Nội

- Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 2000, Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ anh Nguyễn Đức T trình bày:

+ Về quan hệ tình cảm:

Vợ chồng tôi kết hôn năm 2020 có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2020 tại UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc nên vợ chồng thường xuyên xảy xô sát. Vợ chồng tôi ly thân kể từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 và cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021. Tôi đề nghị được nuôi cháu Diệu, chị M nuôi cháu Vỹ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Vợ chồng có tài sản chung; công sức; công nợ: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Mê Linh đã triệu tập chị Trần Thị M nhiều lần nhưng chị M không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị M theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ tình cảm: Cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Trần Thị M.

Về con chung: anh T, chị M có 02 con chung là Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 và cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021. Giao cháu Diệu cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Vỹ cho chị M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn cư trú tại huyện Mê Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội theo quy định tại Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị.

Chị M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị vẫn không có mặt, tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình nên HĐXX áp dụng điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thỏa thuận tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2020 tại UBND xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy xô sát. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị M không đến Tòa án, không thể hiện quan điểm của mình, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án. Xét thấy hôn nhân của anh T và chị M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án thấy có căn cứ để cho anh T được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh Nguyễn Đức T và chị Trần Thị M có 02 con chung là Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 và cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị được nuôi cháu Diệu, chị M nuôi cháu Vỹ. Tự các bên đảm nhiệm việc nuôi con. Xét đề nghị của anh T là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

Về tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T.

2. Cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Trần Thị M.

3. Về con chung: Anh T, chị M có 02 con chung là Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 và cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021.

Giao cháu Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh theo Biên lai số 0008266 ngày 02/11/2023, anh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. huyện Mê Linh;
- Chi cục THA. huyện Mê Linh
- Lưu: HS, VP;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tuyên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 h 30 ngày 15 tháng 01 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan và ông Kiều Xuân M.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1993, Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Hà Nội

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị M, sinh năm 2000, Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, Hà Nội

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I. Về điều luật áp dụng: 3/3 ý kiến thống nhất:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

II. Xử: 3/3 ý kiến thống nhất:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T.

2. Cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Trần Thị M.

3. Về con chung: Anh T, chị M có 02 con chung là Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 và cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021.

Giao cháu Nguyễn An Diệu, sinh ngày 25/6/2020 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thế Vỹ, sinh ngày 18/9/2021 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Mê Linh theo Biên lai số 0008266 ngày 02/11/2023, anh đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kim Lan

Kiều Xuân M

Nguyễn Văn Tuyên